

**Tập 151**

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm hai mươi ba:

**(Sớ) Hựu công đức giả, vô lậu tánh công đức dã, phục hữu thắng liệt, kim thị thắng công đức cố.**

(疏) 又功德者，無漏性功德也，復有勝劣，今是勝功德故。

(Sớ: Lại nữa, “công đức” là công đức của tánh vô lậu, lại có thù thắng và kém cỏi. Nay [công đức được nói trong chánh kinh] là công đức thù thắng).

“Vô lậu tánh”: Nói rõ công đức này là xứng tánh khởi tu, nên gọi là “vô lậu tánh công đức”.

**(Sao) Vô lậu công đức giả, Sơ Tổ dĩ doanh tu thế phước, vi hữu lậu chi nhân, bất danh công đức.**

(鈔) 無漏功德者，初祖以營修世福，為有漏之因，不名功德。

(Sao: “Vô lậu công đức”: Sơ Tổ coi chuyện lo toan tu tập phước thế gian là cái nhân hữu lậu, chẳng đáng gọi là “công đức”).

“Sơ Tổ” là nói đến Sơ Tổ của Thiền Tông, tức là Đạt Ma Tổ Sư. Nói theo sự truyền thừa tại Ấn Độ, Bồ Đề Đạt Ma thuộc đời thứ hai mươi tám, tức là kể từ Thích Ca Mâu Ni Phật truyền cho tôn giả Ca Diếp là Sơ Tổ tại Ấn Độ, Ca Diếp truyền cho A Nan, truyền như vậy đến đời thứ hai mươi tám là Đạt Ma Tổ Sư. Đạt Ma đem Thiền Tông truyền sang Trung Quốc, Đạt Ma là Sơ Tổ tại Trung Quốc. “Dĩ doanh tu thế phước, vi hữu lậu chi nhân” (Coi chuyện lo toan tu tập phước thế gian là cái nhân hữu lậu): Ngài Đạt Ma đến Trung Quốc, thưở ấy nhằm thời đại Lương Vũ Đế, Ngài gặp Lương Vũ Đế. Lương Vũ Đế là đại hộ pháp của Phật môn, là một Phật tử kiên thành, đáng tiếc là nhà vua toàn tu phước! Trong thời gian làm hoàng đế, ông ta đã kiến tạo tất cả bốn trăm tám mươi tòa tự miếu. Chép kinh, thời ấy chưa thể in kinh, phải bỏ tiền thuê

người chép kinh. Lại còn độ người xuất gia; chỉ cần có người phát tâm xuất gia, nhà vua đều hoan hỷ giúp đỡ, thành toàn cho người ấy xuất gia. Nói thông thường, công đức ấy cũng rất lớn. Khi tổ Đạt Ma đến, nhà vua bèn hỏi tổ Đạt Ma: “Trẫm cất chùa, chép kinh, độ người xuất gia vô số, vô lượng, công đức của trẫm có to hay không?” Đạt Ma Tổ Sư đáp: “*Thật vô công đức*”, [nghĩa là] Tổ nói: “Tôi nói thật cho bệ hạ biết, chẳng có công đức gì cả!” Lương Vũ Đế nghe nói vậy rất cụt hứng, cũng chẳng hộ trì Tổ. Tổ chẳng có cách nào, đến chùa Thiếu Lâm nhìn vào vách, chẳng ai quan tâm đến Ngài. Nếu Tổ khen ngợi Lương Vũ Đế, Lương Vũ Đế sẽ làm hộ pháp cho Tổ, sẽ khá lắm! Pháp duyên của Ngài có thể thù thắng lắm! Tổ ở Trung Quốc nhiều năm ngàn ấy, chỉ độ một mình Nhị Tổ Huệ Khả, chỉ truyền pháp cho một người. Đó là “*thuyết pháp chẳng kể cơ*”, nhưng Đạt Ma Tổ Sư nói lời chân thật.

Bản thân chúng ta học Phật nhất định phải biết, rốt ráo chúng ta đang học gì? Đang tu gì? Phải hiểu rõ ràng! Những gì Lương Vũ Đế đã làm là phước báo nhân thiên, là nhân hữu lậu. Tu phước trong Phật môn, quả báo trong tam giới, chẳng thoát ra được, nên chẳng phải là chân thật. Công đức chân thật là gì? Công đức chân thật là tâm thanh tịnh. Trí huệ sanh từ tâm thanh tịnh được gọi là trí huệ Bát Nhã; đó là công đức chân thật. [Công đức] tuyệt đối chẳng thể cầu từ pháp thế gian, chỉ nên cầu công đức trong nội tâm. “*Công*” là công phu, “*Đức*” là cái quý vị đầu hoạch, đó gọi là “*cày cấy một phần, đầu hoạch một phần*”. Vì lẽ đó, [những việc Lương Vũ Đế đã làm] “*bất danh công đức*” (chẳng gọi là công đức).

***(Sao) Hựu vân công đức tại Pháp Thân trung, tắc thử chi đại hạnh đại nguyện, giai tự tánh vô lậu công đức, phi sự thượng nhân thiên tiểu quả hữu lậu chi nhân dã.***

(鈔) 又云功德在法身中，則此之大行大願，皆自性無漏功德，非事上人天小果有漏之因也。

***(Sao: Lại nói, công đức ở nơi Pháp Thân, nên đại hạnh đại nguyện này đều là công đức vô lậu của tự tánh, chẳng phải là cái nhân hữu lậu nơi mặt Sự thuộc về tiểu quả trong cõi trời người).***

Công đức ở nơi Pháp Thân. Nói cách khác, công đức nhất định phải tương ứng với Pháp Thân. Nay lại hỏi, Pháp Thân là gì? Chữ “*Pháp*” chỉ hết thầy vạn pháp, “*Thân*” có nghĩa thể tánh. Pháp Thân,

nói theo danh từ triết học hiện đại, sẽ là “bản thể của vạn hữu trong vũ trụ”, Phật pháp gọi [bản thể ấy] là Pháp Thân. Bản thể của hết thảy vạn pháp là không tịch, nên nói “*vạn pháp đều là Không*”. Chúng ta nói “*hết thảy các pháp*” là nói theo tướng, tuy tướng là có, nhưng chẳng thật sự có, nên gọi là Diệu Hữu. Vì sao gọi là Diệu Hữu? Diệu ở chỗ nào? Diệu ở chỗ nó “có mà chẳng phải có, chẳng phải có mà là có”, đó là Diệu! Hết thảy vạn pháp chẳng có tự tánh, chẳng có tự thể, tánh “vô tánh” là chân tánh; chân tánh còn gọi là Pháp Thân.

Do vậy có thể biết, tu hành nhất định phải tương ứng với vô tự tánh, đó là “*công đức*”. Tự tánh là gì? Vô tự tánh là gì? Trong kinh Giải Thâm Mật, đức Phật đã giảng rất rõ ràng. Kinh Giải Thâm Mật giảng ba tự tánh và ba vô tánh, nhưng cách giảng chẳng dễ hiểu. Nếu chúng tôi giảng nông cạn và dễ hiểu hơn một chút thì là: Trong tất cả hết thảy sự tu học trong cuộc sống hằng ngày, hễ quý vị có thể làm đến mức chẳng chấp tướng sẽ liền tương ứng. Quý vị có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, đó là cái nhân hữu lậu. Lìa khỏi hết thảy vọng tưởng, chấp trước, bèn là công đức xứng tánh, tương ứng với Pháp Thân.

Vì sao nói đại hạnh đại nguyện của Phật, Bồ Tát là “*đại*”? Vì chẳng có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, nên hạnh ấy bèn lớn. Hạnh được tu bởi đại tâm được gọi là “*đại hạnh*”. Nay ta bố thí, bố thí một đồng tiền bèn là đại hạnh, vì sao? Vì bố thí một đồng tiền, ta chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước. Chẳng có phân biệt và chấp trước, công đức của một đồng tiền ấy bèn là tận hư không trọn pháp giới, to như pháp giới, nên gọi là “*đại hạnh*”. Nay ta cúng dường một trăm vạn, [bèn tự nhủ] ta rất giỏi, nay ta cúng dường rất nhiều; do có chấp trước, có vọng tưởng, nên gọi là “*tiểu hạnh*”. Vì thế, tuy Lương Vũ Đế kiến tạo bốn trăm tám mươi tòa tự miếu, nhưng cứ nghĩ mãi về con số “bốn trăm tám mươi ấy”, [nên phước đức trở thành] quá ít! Độ mấy vạn người xuất gia, con số mấy vạn ấy cũng chẳng nhiều! Do đó, biến thành tiểu hạnh. Nếu nhà vua có thể thật sự “tam luân thể không” như kinh Bát Nhã đã dạy, nay ta tu mà chẳng chấp ngã tướng, cũng chẳng chấp chúng sanh tướng. Lấy bố thí để nói, chẳng chấp trước ta, cũng chẳng chấp trước người nhận sự bố thí của ta, cũng không nghĩ tới những vật ta đem bố thí. Tuy tu bố thí, chẳng bận lòng đến chuyện ấy, đó là “*tam luân thể không*”. Bố thí như vậy, công đức liền xứng tánh. Nói gọn lại một câu, đối với tám vạn bốn ngàn hạnh môn, chỉ cần quý vị có chấp trước, hạnh ấy bèn là tiểu hạnh. Kinh Kim Cang nói quý vị có tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, hạnh do quý vị tu sẽ là tiểu hạnh, tu cái

nhân hữu lậu, chắc chắn là tám vạn bốn ngàn pháp môn không thoát khỏi tam giới; chư vị phải biết điều này!

Chuyện này khó lắm! Nếu chúng ta muốn phá vọng tưởng, chấp trước, há phải là chuyện dễ dàng? May mắn thay! Có pháp môn Niệm Phật có thể đối nghiệp vãng sanh, mang theo nghiệp gì? Mang theo vọng tưởng, chấp trước đi vãng sanh. Trừ pháp môn này ra, chẳng có pháp nào có thể đối nghiệp chứng quả, chẳng có pháp nào đối nghiệp thành Phật, chẳng có pháp nào đối nghiệp thành Bồ Tát, cũng chẳng có pháp nào đối nghiệp chứng quả Tu Đà Hoàn, chẳng có! Chỉ riêng pháp môn Niệm Phật là có thể đối nghiệp vãng sanh, chúng ta mới được cứu! Nếu không, chẳng có cách nào cứu. Tuy là như vậy, chúng ta vẫn phải rất nỗ lực, trong hết thầy các pháp, giảm thiểu các ý niệm vọng tưởng, chấp trước càng nhẹ càng tốt, vì sao? Quý vị sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới phàm vị khác nhau. Nếu đối với hết thầy sự vật đều hết sức lạt lẽo, chẳng ghim trong lòng, quý vị niệm Phật như thế sẽ chẳng bị chướng ngại, rất dễ dàng đắc công phu thành phiền, rất dễ dàng đắc nhất tâm bất loạn. Phàm là kẻ không thể thành tựu, đều vì ý niệm chấp trước quá nặng. Chướng ngại rất lớn thì một là chấp trước, hai là nghi hoặc. Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật đã dạy nghi hoặc là chướng ngại trọng đại đối với hàng Bồ Tát, huống hồ phàm phu chúng ta! Do vậy, phải có tín tâm kiên định, quyết định chẳng nghi hoặc. Phải coi nhặt nhẻo hết thầy sự vật, kinh Kim Cang đã nói rất hay: *“Phàm những gì có tướng đều là hư vọng”*, có gì phải coi chúng rất trọng? Coi chúng là rất quan trọng thì chắc chắn là chính mình bị tổn hại.

Do tâm các Ngài to lớn, tâm là tâm thanh tịnh, chẳng phải là tâm phân biệt, tâm bèn to lớn. Tâm lớn nên hạnh cũng lớn, nguyện cũng lớn, chẳng có gì không lớn. *“Giai tự tánh vô lậu công đức”* (Đều là công đức vô lậu nơi tự tánh), chẳng phải là *“sự thượng nhân thiên tiểu quả hữu lậu chi nhân”* (cái nhân hữu lậu nơi mặt Sự thuộc về tiểu quả trong cõi trời người).

***(Sao) Thắng liệt giả, Thanh Văn, Bồ Tát, nữ chí u Phật, giai hữu công đức, tiểu đại huyền thù. Kim thị bỉ Phật nhân địa, tu vô lượng nguyện hạnh chi sở thành tựu, sùng công chí đức, bất khả tư nghị, cố vân thắng dã.***

(鈔) 勝劣者，聲聞菩薩，乃至於佛，皆有功德，小大懸殊。今是彼佛因地，修無量願行之所成就，崇功至德，不可思議，故云勝也。

(Sao: “Thù thắng và hơn kém”: Từ Thanh Văn, Bồ Tát cho đến Phật đều có công đức, nhưng nhỏ hay to khác biệt rất xa. Nay đức Phật ấy (A Di Đà Phật) trong lúc tu nhân đã tu vô lượng nguyện hạnh thành tựu, công đức cao cả tột bậc, chẳng thể nghĩ bàn, nên nói là “thù thắng”).

Ở đây nói về A Di Đà Phật, chẳng phải nói tới Thanh Văn, Duyên Giác, hay hàng Bồ Tát thông thường, nên công đức có lớn hay nhỏ, khác nhau! Hạnh do phạm phu chúng ta tu chẳng sánh bằng A La Hán. Sở tu của A La Hán chẳng sánh bằng Bồ Tát, sở tu của Bồ Tát chẳng sánh bằng Phật. Sở tu của hết thầy chư Phật vẫn chẳng sánh bằng A Di Đà Phật. Mọi người đều đã đọc thấy điều này trong kinh Vô Lượng Thọ. Công đức của A Di Đà Phật vòi vọi, chẳng thể nói kể, vượt trội hết thầy chư Phật, nên công đức được nói ở đây thù thắng khôn sánh. Tiếp đó, đại sư giả lập một đoạn vấn đáp:

**(Sớ) Vấn: Kim Cang Bát Nhã vị “trang nghiêm Phật độ giả, thật phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm”, kim nãi quảng trần y chánh, vân hà nhị kinh ý nghĩa tương bội?**

(疏) 問：金剛般若謂莊嚴佛土者，實非莊嚴，是名莊嚴。今乃廣陳依正，云何二經意義相背？

(Sớ: Hỏi: Kinh Kim Cang Bát Nhã nói “trang nghiêm cõi Phật nhưng thật ra chẳng trang nghiêm thì mới gọi là trang nghiêm”, nay [kinh này] lại trần thuật rộng rãi y báo và chánh báo, cơ sao hai kinh có ý nghĩa mâu thuẫn nhau?)

Kinh Di Đà hoàn toàn nói tương phản kinh Kim Cang là vì lẽ nào? Nếu đã đọc hai bộ kinh ấy, chắc có lẽ cũng có người thật sự có nghi vấn này. Ở đây, trước hết chúng tôi phải thuyết minh đơn giản. Kinh Kim Cang được giảng cho bậc đương cơ là tôn giả Tu Bồ Đề, Thích Ca Mâu Ni Phật gọi ngài Tu Bồ Đề hỏi: “Ư ý vân hà, Bồ Tát trang nghiêm Phật độ phủ?” (Ý ông nghĩ sao, Bồ Tát có trang nghiêm cõi Phật hay không?).

Tu Bồ Đề rất thông minh, lập tức đáp: “*Phật dã, Thế Tôn! Hà dĩ cố? Trang nghiêm Phật độ giả, tấ phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm*” (Bạch đức Thế Tôn! Không ạ! Vì có sao? Trang nghiêm cõi Phật chẳng phải là trang nghiêm, bèn gọi là trang nghiêm). Trong kinh Kim Cang, những câu giống như vậy rất nhiều. Kinh ấy từ đầu tới cuối tuân theo cách nói chẳng để lại dấu vết. Nói xong, ngay lập tức phủ định, lại phủ định của phủ định, dùng cách thức ấy để trình bày nghĩa chân thật, hòng tỏ lộ chân nghĩa.

Bồ Tát tuy tu hành trang nghiêm Tịnh Độ, nhưng nếu thật sự hữu ý trang nghiêm thì sai mất rồi! Vì thế, Bồ Tát tu hành là “*hành mà vô hành, làm mà không làm, không làm mà làm*”. Đối với phàm phu chúng ta mà nói, dường như Bồ Tát thật sự có tạo tác, thật sự có trang nghiêm, nhưng trong tâm Bồ Tát chẳng chấp tướng ấy, bốn tướng đều là không, đấy mới là trang nghiêm thật sự, nên nói: “*Tấ phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm*” (Chẳng phải là trang nghiêm, nên mới gọi là trang nghiêm).

Chúng ta phải biết ý nghĩa thật sự của ba câu này ở đâu. “*Trang nghiêm Phật độ*” là Tướng; “*tấ phi trang nghiêm*” là nói về Tánh, và cũng là Thể. “*Thị danh trang nghiêm*” là nói tới tác dụng, Thể - Tướng - Dụng. Tướng có hay không? Có, nhưng Thể thì chẳng có! Nếu phối hợp với Tam Đế để nói, “*trang nghiêm Phật độ*” là Tục Đế, “*tấ phi trang nghiêm*” là Chân Đế, “*thị danh trang nghiêm*” là Trung Đế. Tam Đế như tông Thiên Thai đã nói chính là Thể, Tướng, Dụng, quý vị quan sát từ góc độ nào? Nhưng quý vị phải biết Thể, Tướng, Dụng là một mà ba, tuy ba mà một. Nó là một chuyện, một chuyện được nhìn từ ba góc độ, quý vị mới có thể thấy chân tướng của sự việc rõ ràng, mới chẳng mê hoặc.

Câu hỏi được giả thiết là có người nói: “*Kim nãi quảng trăn y chánh báo, vân hà nhị kinh ý nghĩa tương bối?*” (Nay [kinh này] lại trần thuật rộng rãi y báo và chánh báo, có sao hai kinh có ý nghĩa mâu thuẫn nhau). Ý nghĩa của hai kinh quyết định chẳng trái nghịch, đức Phật nói hết thấy các kinh chẳng tự mâu thuẫn, quyết định chẳng thể nào! Đây là do người đọc kinh dấy lên sự hiểu lầm, nên mới có câu hỏi này, đó gọi là “*đoạn chương thủ nghĩa*” (hiểu ý nghĩa tách rời khỏi ngữ cảnh). Quyết chẳng phải là nói thật sự không trang nghiêm mới là trang nghiêm thật sự, [nếu hiểu như vậy thì] cũng sai mất rồi! Trong tâm còn có [ý niệm] trang nghiêm, tức là đã không trang nghiêm. Do vậy, nêu lên câu hỏi này,

không chỉ là người ấy chưa hiểu rõ Tịnh Độ, mà cũng chẳng hiểu rõ kinh Kim Cang.

Đại Thừa Phật pháp thường nói hết thầy các pháp, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Tịnh Độ của Phật có sự trang nghiêm của Phật Tịnh Độ, Bồ Tát và La Hán có sự trang nghiêm của Bồ Tát và La Hán, chư thiên có sự trang nghiêm của chư thiên, con người có sự trang nghiêm của con người, cho đến địa ngục cũng có sự trang nghiêm của địa ngục, nhưng các tướng trang nghiêm ấy khác nhau, chỗ khác nhau là “*duy thức sở biến*”, do thức biến. Nhưng tướng ấy sanh từ tánh, tướng là Tướng Phần của Chân Như bản tánh, tướng là tánh, tánh là tướng, nên tướng của mười pháp giới y báo và chánh báo trang nghiêm là Chân Như bản tánh. Mười pháp giới rốt cuộc là mười hay chẳng phải là mười? Trong Phật pháp có nói “*phi nhất, phi dị*”, [nghĩa là] chẳng thể nói “là một”, mà cũng chẳng thể nói “không phải là một”. Nếu quý vị nói “chẳng phải là một” ư? Tánh là một. Nếu quý vị nói là một ư? Tướng khác nhau. Vì thế, chẳng thể nói là một, mà cũng chẳng thể nói là khác, đó là nói rõ cho chúng ta biết chân tướng.

**(Sớ) Đáp: Tánh tướng bất thù, sở tông dị cố.**

(疏) 答：性相不殊，所宗異故。

*(Sớ: Đáp: Tánh và tướng chẳng khác, nhưng mỗi kinh đề cao những điều khác nhau).*

Dưới đây còn có giải thích.

**(Sao) Tánh tướng bất thù giả.**

(鈔) 性相不殊者。

*(Sao: Tánh và tướng chẳng khác).*

“Thù” (殊) là sai biệt.

**(Sao) Toàn tánh khởi tướng, toàn tướng quy tánh, tánh tướng bản phi nhị vật.**

(鈔) 全性起相，全相歸性，性相本非二物。

*(Sao: Toàn bộ tánh khởi tướng, toàn bộ tướng quy hồi tánh, tánh và tướng vốn chẳng phải là hai vật).*

“*Tánh - tướng*” là một, không hai, thật vậy, nhưng người thật sự có thể ngộ nhập chẳng nhiều lắm. Quý vị thật sự có thể ngộ nhập thì trong cuộc sống sẽ có thụ dụng, được tự tại. Quý vị chưa ngộ nhập thì tánh và tướng có cách biệt. Phải có điều kiện gì thì mới có thể ngộ nhập? Phải có công phu định lực kha khá, và cũng phải có tâm thanh tịnh kha khá thì mới có thể ngộ nhập. Phải làm thế nào để đắc tâm thanh tịnh? Vẫn là một câu cũ mèm: “*Phải lià vọng tưởng, chấp trước*”. Vì quý vị có vọng tưởng, chấp trước, nên tâm chẳng thanh tịnh. Tâm chẳng thanh tịnh, chắc chắn chẳng thể tiến nhập cảnh giới này. Tâm nhất định phải thanh tịnh thì mới có thể nhập cảnh giới này, mới có thể thụ dụng chân thật. Nay có thể nói là hễ nói theo Lý thì chúng ta có thể hiểu, nhưng về Sự bèn chẳng thể dung nạp, cũng là chẳng thể thụ dụng nơi mặt Sự. Hiểu rõ Lý thì như cổ nhân thường nói: “*Lý có thể đón ngộ, nhưng Sự cần phải trừ dần dần*”, trừ gì vậy? Trừ vọng tưởng, chấp trước. Sau khi đã trừ vọng tưởng, chấp trước, đó là “*chứng ngộ*”, nay chúng ta gọi là “*giải ngộ*”. Giải ngộ chẳng thể đoạn phiền não, không thể liễu sanh tử, ắt phải chứng ngộ thì mới được.

“*Tánh*” là chân tánh, “*tướng*” là hiện tượng. Hiện tượng trong tận hư không trọn pháp giới được gọi là “*sâm la vạn tượng*”, do đâu mà có? Từ bản tánh của chúng ta biến hiện. Giống như nằm mộng, khi quý vị nằm mộng, trong mộng có cảnh giới, có tướng, do đâu mà có tướng? Từ cái tâm có thể nằm mộng của quý vị biến hiện. Lại bảo quý vị, sự biến hiện ấy chẳng có thứ tự trước sau, đồng thời biến ra! Chúng ta biết mộng do tự tâm biến hiện; vì thế, cũng hiểu rõ toàn thể mộng cảnh là tâm! Nếu hỏi quý vị, tâm có hình trạng như thế nào ư? Khi quý vị nằm mộng, quý vị nghĩ tới điều gì, tức là tâm có tình trạng như thế nào, nó sẽ biến ra cảnh giới có tướng trạng như thế ấy, biến thành Tướng Phần. [Do đó], vừa trông thấy [tướng cảnh giới ấy], sẽ biết tướng trạng của tâm [là như thế nào].

Nếu bây giờ quý vị hỏi: Chân Như bản tánh của chúng ta có hình dạng như thế nào? Nay lục căn của quý vị tiếp xúc cảnh giới lục trần, đó là hình dạng của Chân Như bản tánh, vì cảnh giới chúng ta trông thấy trước mắt do tự tâm của chúng ta biến hiện, nó là Tướng Phần của tự tánh. Tướng ấy tốt hay xấu do chính quý vị biến hóa. Tâm quý vị tốt đẹp liền biến ra tướng tốt đẹp, tâm quý vị ác sẽ biến ra tướng ác. Tướng chuyển theo tâm mà! Tướng tốt - xấu trong mười pháp giới đều do chính



mình biến hiện, chẳng thể trách ai khác, chẳng thể oán trời, hờn người! Vì thế, “*toàn tướng quy tánh*”.

Tánh ở chỗ nào? Hết thấy hiện tượng là tánh. Nếu quý vị hiểu đạo lý này, đọc những câu cơ phong trong ngữ lục của Thiên Tông cũng rất thú vị. Những người ấy sau khi đã nhập cảnh giới, nếu quý vị hỏi họ: “Đạo ở chỗ nào?” Hòa thượng Triệu Châu nói: “*Uống trà nhé!*”, uống trà chính là đạo! Vì thế nói “*Triệu Châu trà*” là nói về minh tâm kiến tánh. Chẳng có pháp nào chẳng phải, pháp nào cũng đều là [đạo, là cảnh giới minh tâm kiến tánh]! Tùy tiện lấy một pháp, chẳng có pháp nào không phải! Giống như chúng ta nằm mộng, cảnh giới trong mộng chẳng phải là tâm ư? Cảnh giới ấy là tâm biến; vì thế, bất luận cảnh giới nào cũng toàn là tâm! Toàn thể tâm biến thành mộng, toàn bộ mộng là tâm, cái thân của chính mình trong mộng do tự tâm biến hiện. Trong mộng thấy kẻ khác thì [những kẻ đó] vẫn do tự tâm biến hiện. Núi, sông, đại địa, cây cối, hoa, cỏ trong mộng đều do tự tâm biến hiện. Ngoài cái tâm của chính mình ra, chẳng có một pháp nào. Đó là “*ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm*”. Như thế thì mới có thể thật sự thấu hiểu “*vô duyên đại từ, đồng thể đại bi*” như đức Phật đã dạy. Xác thực là vạn pháp trong vũ trụ và chính mình có cùng một Thể, cùng một tâm tánh. Điều này nêu rõ “*tánh và tướng vốn chẳng phải là hai vật*”, tánh và tướng là một, vốn chẳng phải hai. Tánh Tông và Tướng Tông đều giảng rất thấu triệt [đạo lý này]!

***(Sao) Nhi đương kinh các hữu sở tông, bỉ kinh dĩ Vô Tướng vi Tông.***

(鈔) 而當經各有所宗，彼經以無相為宗。

***(Sao: Nhưng mỗi kinh có điều được đề cao riêng, kinh kia lấy Vô Tướng làm Tông).***

Đức Phật giảng các loại kinh, cũng tức là trong hết thấy các pháp môn, [trong mỗi kinh bèn] nêu ra, chỉ dạy một phương pháp. Nói cách khác, mỗi một bộ kinh giảng một phương pháp khác biệt. Nếu hoàn toàn giống nhau, cần gì phải giảng hai thứ? Chẳng cần giảng! Thể tánh của hết thấy các kinh giống nhau, nhưng phương pháp tu hành được nói trong hết thấy các kinh khác nhau. “*Tông*” là phương pháp tu hành. Phương pháp [của các kinh luận thuộc] Bát Nhã Bộ là dốc sức tu tập từ Vô Tướng, đi theo Không môn. Đó là chỗ khác biệt. Cũng có nghĩa là nói “*phải lìa hết thấy tướng*”, giống như kinh Kim Cang đã nói “*vô ngã*

tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng”, “vô pháp tướng, diệt vô phi pháp tướng” (chẳng có pháp tướng, mà cũng chẳng phải là không có pháp tướng), họ nhập môn từ chỗ này. Nhập môn kiểu này đúng là khó khăn. Nếu bốn tướng chẳng không, quý vị vĩnh viễn ở ngoài cửa Bát Nhã, chắc chắn chẳng thể nhập môn được!

**(Sao) Cố duy minh Đệ Nhất Nghĩa tướng, bất thủ hình tướng, thật tức thanh tịnh tâm trung, thân độ tự hiện.**

(鈔) 故唯明第一義相，不取形相，實則清淨心中，身土自現。

**(Sao: Do vậy, chỉ nói về tướng Đệ Nhất Nghĩa, chẳng giữ lấy hình tướng, thật sự là từ trong tâm thanh tịnh, thân và cõi nước tự hiện).**

Đó là như kinh Kim Cang nói: “Dĩ tam thập nhị tướng kiến Như Lai” (Dùng ba mươi hai tướng để thấy Như Lai)<sup>1</sup>, lại nói: “U pháp bất thuyết đoạn diệt tướng” (Đối với pháp, chẳng nói đến tướng đoạn diệt), có ý nghĩa ấy, bảo quý vị hãy lìa tướng từ ngay nơi tướng. Trên thực tế, có thể lìa tướng hay không? Chắc chắn chẳng thể lìa tướng! Vì sao? Vì tướng là tánh, nếu quý vị tách lìa tướng, tánh cũng chẳng có, há có lẽ ấy? Nói cách nào cũng chẳng suông! Chắc chắn không thể lìa tướng! Bảo quý vị “lìa tướng” chính là bảo quý vị đừng chấp tướng, “không chấp” là gì? Trong tâm đừng nghĩ tới nó, chớ nên chấp trước nó, đó là “lìa tướng”. Tâm phải thật sự thanh tịnh. Lục Tổ nói “vốn chẳng có một vật”, chẳng phải là bên ngoài vốn chẳng có một vật, bên ngoài thứ gì cũng có, nhưng trong tâm chẳng có. Chư vị phải biết: “Lìa tướng” là tâm lìa tướng, chẳng phải là thân lìa tướng, thân chẳng lìa được! Ví như cái thân, ta lìa tướng bèn vào chốn núi thẳm, tìm một cái hang để tu hành trong ấy. Quả núi đó vẫn là tướng, hang vẫn là tướng, quý vị vẫn chẳng có cách nào rời lìa! “Lìa” là tâm lìa! Tâm thanh tịnh, chẳng nhiễm, chẳng chấp hết thảy các pháp. Chúng tôi nói rõ hơn một chút thì là chẳng khởi tâm, chẳng

---

<sup>1</sup> Kinh Kim Cang chép: “Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Khả dĩ tam thập nhị tướng quán Như Lai phủ? Tu Bồ Đề ngôn: Như thị! Dĩ tam thập nhị tướng quán Như Lai. Phất ngôn: Tu Bồ Đề! Nhược dĩ tam thập nhị tướng quán Như Lai giả, Chuyển Luân thánh vương tức thị Như Lai” (Này Tu Bồ Đề! Ông nghĩ sao? Có thể dùng ba mươi hai tướng để quán Như Lai hay không? Tu Bồ Đề thưa: “Đúng như thế! Dùng ba mươi hai tướng để quán Như Lai”. Phật dạy: “Này Tu Bồ Đề! Nếu dùng ba mươi hai tướng để quán Như Lai thì Chuyển Luân Thánh Vương chính là Như Lai”).

động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước hết thấy các pháp! Đó là “lìa”.

Nếu chúng ta nhìn vào năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử trong kinh Hoa Nghiêm, năm mươi ba vị [tri thức ấy] đều là đại thiện tri thức, đều là Pháp Thân đại sĩ, chẳng phải là phàm nhân, đều là bậc đại Bồ Tát minh tâm kiến tánh, mà cũng đều [tối thiểu] đạt tiêu chuẩn của kinh Kim Cang trở lên, chẳng có vị nào thấp hơn tiêu chuẩn của kinh Kim Cang, tức là tứ tướng và tứ kiến thấy đều đã phá. Chúng ta mở kinh Hoa Nghiêm ra xem, quý vị thấy những điều miêu tả trong kinh có khác gì xã hội và nhân sinh của chúng ta trong hiện thực? Chẳng khác gì nhau! Trong năm mươi ba vị thiện tri thức, chỉ có sáu vị xuất gia, những vị khác đều là tại gia, nam, nữ, già, trẻ, các ngành các nghề đều có! Họ đều là Phật, Bồ Tát.

Vì thế, kinh Hoa Nghiêm chỉ rõ Phật, Bồ Tát tại gia đông hơn hàng xuất gia, rất ư là đông! Trong số đó, không chỉ có những vị hành chánh pháp, mà còn có người hành tà pháp, giết, trộm, dâm, dối đều có. Họ đều là Bồ Tát, đều là Phật, cứ sao còn có những chuyện ấy? Thừa cùng quý vị, về Sự thì có, nhưng trong tâm không có! Quý vị thấy Cam Lộ Hỏa Vương, Cam Lộ Hỏa Vương suốt ngày từ sáng đến tối giết người, hết sức nóng nảy, hở ra là giết người, nhưng tâm địa nhà vua thanh lương tự tại, người ta thật sự làm được “*làm mà không làm, không làm mà làm*”. Vì lẽ đó, kinh Hoa Nghiêm nói đến chuyện “*luyện tâm bằng cách trải qua sự việc*”. Tâm quý vị thanh tịnh, vốn chẳng ưu não, chẳng nhiễm mảy trần, luyện từ chỗ nào? Thể nghiệm trong hết thấy hoàn cảnh nhân sự của xã hội, tu hành trong đó, đổ công dốc sức nơi đó, thành tựu sự thanh tịnh chân thật của chính mình, sẽ bèn thành công. Do đó, khác với Tiểu Thừa, Tiểu Thừa chẳng trải qua khảo nghiệm, Đại Thừa Bồ Tát trải qua khảo nghiệm thì mới là thanh tịnh thật sự. Khi ấy, thân và cõi nước là một, không hai, tánh, tướng như một. Dưới đây, đại sư nêu một tỷ dụ để nói:

***(Sao) Dụ như ma kính, trần tận, tượng sanh.***

(鈔) 喻如磨鏡，塵盡像生。

***(Sao: Ví như mài gương, bụi hết, hình bóng bèn sanh).***

Đôi với người hiện thời, chuyện này rất khó hiểu! Vì sao? Gương trong hiện tại chẳng giống như gương thời cổ. Gương thời cổ, quá nửa

bằng đồng, gương đồng! Lâu ngày, gương đồng chẳng sáng, nhất định phải mài, trừ sạch sẽ những thứ dơ bẩn, nó lại sáng, có thể soi chiếu người ta. Đương nhiên là [gương đồng] thua gương hiện thời rất xa; hiện thời tiến bộ, chẳng dùng gương đồng nữa. Trong tỷ dụ này, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là bụi đất nơi cái tâm thanh tịnh của chúng ta. Quý vị có thể mài sạch phân biệt, chấp trước trong hết thấy cảnh giới khác nhau, tâm thanh tịnh liền hiện tiền.

Chúng ta có tham, sân, si, vì sao biết có tham, sân, si? Thấy thứ gì hợp ý mình liền sanh tâm hoan hỷ, bèn biết là có tâm tham. Thấy thứ gì chẳng hợp ý mình sẽ bực bội, bèn biết có tâm sân khuê. Do vậy, hễ cảnh giới hiện tiền, chính quý vị sẽ nhận biết ta còn có tham, sân, si phiền não đây đặc dường ấy! Làm thế nào để biết tham, sân, si chẳng có? Vẫn phải nhờ vào cảnh giới hiện tiền. Thuận cảnh hiện tiền, tâm đạm bạc, chẳng có tham ái, tâm tham chẳng có. Nghịch cảnh hiện tiền, tâm chẳng sân khuê, tâm bình thản, tĩnh lặng, [tức là] ta chẳng có tâm sân khuê. Vì thế, lìa khỏi các sự tướng, quý vị chẳng thể phát hiện phiền não, mà phiền não cũng chẳng thể trừ khử.

Vì lẽ đó, tu hành là tu ở nơi đâu? Tuyệt đối chẳng phải là vào núi thăm tu hành! Có những kẻ nói: “Rất hâm mộ người nào đó, phước khí thật to, có thể vào núi thăm tu hành”. Tu mấy chục năm trong non sâu, nhưng nếu đến đô thị một chuyến, hết thấy đều trắng tay! Vì chẳng trải qua khảo nghiệm! Thật sự tu hành thì tu hành ở nơi đâu là tốt nhất? Trong nghịch cảnh. Chúng ta là phàm phu, trước hết, hãy tu trong nghịch cảnh, điều gì cũng đều chẳng vừa lòng, điều gì cũng trái ý. Nói cách khác, phiền não nặng nhất là sân khuê, hãy đoạn nó trước hết. Đến khi chính mình thật sự chẳng có tâm sân khuê, cảnh giới thứ hai là trừ khử tâm tham, đó là thuận cảnh. Trong thuận cảnh, đoạn tâm tham. Trong nghịch cảnh, đoạn tâm sân khuê. Trong Đại Thừa Phật pháp, có hai vị tôn giả tiêu biểu, tôn giả Ca Diếp đại biểu khổ hạnh, đại biểu nghịch cảnh. Ngài là một vị đại phú trưởng giả, là con em nhà giàu có xuất gia, suốt đời tu khổ hạnh, tu trong nghịch cảnh. Vị thứ hai là Thiện Tài đồng tử, đại biểu tu trong thuận cảnh.

Có thể thấy cảnh giới thuận hay nghịch đều là chỗ tu hành tốt đẹp cho chúng ta. Vấn đề là quý vị phải biết tu thì mới được. Nếu quý vị chẳng biết tu, sẽ bị cảnh giới đào thải. Đào thải thật mau chóng. Quý vị không biết tu thì chính mình chẳng nắm chắc; trong cảnh giới tăng trưởng tham, sân, si, mạn. Nói cách khác, ngay lập tức đọa lạc. Nếu quý vị chẳng đọa lạc, sẽ ngay lập tức nổi trội. Vì vậy, lên cao cũng mau, mà

đọa lạc cũng chóng! Quý vị chẳng thể nói Tiểu Thừa không đúng, họ tiến lên cao rất chậm, nhưng cũng khó thoái chuyển. Họ cách tuyệt ngoại giới, giữ vững cái tâm thanh tịnh của chính mình. Bồ Tát tu hành trong chốn hồng trần, sóng to, gió lớn, hề chống nổi khảo nghiệm, chư Phật đều tán thán! Trong sóng gió, chính mình phải thật sự chịu nổi khảo nghiệm, biết dụng công trong cảnh giới, thành tựu đạo nghiệp của chính mình trong cảnh giới, thành tựu sự thanh tịnh, bình đẳng, từ bi của chính mình. Từ bi nhất định sanh từ thanh tịnh và bình đẳng, lòng từ bi ấy là thật, là đại từ, đại bi. Nếu tâm chẳng thanh tịnh, tâm chẳng bình đẳng, lòng từ bi ấy được gọi là “ái duyên từ bi”, sanh từ cảm tình, nên nó bất bình đẳng. Đây là nói rõ nghĩa thú của Bát Nhã và Tịnh Độ chẳng giống nhau!

***(Sao) Kỳ chuyên ngôn tánh giả, cái tức tướng chi tánh, phi khí tướng nhi thủ tánh dã.***

(鈔) 其專言性者，蓋即相之性，非棄相而取性也。

***(Sao: Kinh kia chuyên nói tới tánh, tức là nói đến tánh của tướng, chẳng phải là vứt bỏ tướng để lấy tánh).***

Tuyệt đối chẳng phải là nói phải từ bỏ tướng, giữ lấy kiến tánh. Chẳng có đạo lý ấy! Tướng là tánh. Hảo tướng là tánh, ác tướng cũng là tánh, thuận cảnh là tánh, nghịch cảnh vẫn là tánh. Thiên đường do Chân Như bản tánh biến hiện, A Tỳ địa ngục vẫn do Chân Như bản tánh biến hiện. Tướng tuy khác nhau, tánh giống hệt. Quý vị kiến tánh, cũng có nghĩa là nói tâm quý vị thật sự bình đẳng, Bình Đẳng Tánh Trí! Tâm bất bình bèn chẳng kiến tánh; tâm thật sự bình đẳng liền kiến tánh.

Phương pháp trong Thiên Tông được Lục Tổ quy nạp thành câu nói sau đây, nó là cương lĩnh, “*vốn chẳng có một vật*”, nói hết sức thích hợp. Trong tâm quý vị sạch lâu lâu, chẳng sanh một niệm; tâm ấy thanh tịnh, tâm ấy thường sanh trí huệ. Lục Tổ nói: “*Trong tâm đệ tử thường sanh trí huệ*”; lũ phàm phu chúng ta trong tâm thường sanh phiền não. Không thanh tịnh bèn sanh phiền não, thanh tịnh sẽ sanh trí huệ. Vì lẽ đó, trí huệ và phiền não là một, không hai. Vì Năng Sanh (cái có thể sanh, tức chân tâm bản tánh) như nhau, [phiền não và trí huệ] đều sanh từ chân tâm bản tánh, chỗ khác biệt là do một đẳng tâm thanh tịnh, đẳng kia là tâm chẳng thanh tịnh. Bởi vậy, phiền não tức Bồ Đề, Bồ Đề là trí huệ, trí huệ và phiền não là một chuyện. Tông Bát Nhã đề xướng điều này, đích

xác là rất khó! Bản thân chúng ta hãy làm thử sẽ hiểu ngay, xem chính mình có thể lìa bốn tướng hay không? Có thể chẳng có vướng mắc gì đối với hết thầy người, sự, vật hay không? Quý vị có thể làm được hay không?

**(Sao) Kim kinh dĩ khuyến sanh Tịnh Độ vi Tông, cố u Cực Lạc y chánh chủng chủng trang nghiêm, phản phúc khai minh, linh khởi hân mộ. Thật tác tướng bốn tự không, duy tâm, duy thức.**

(鈔) 今經以勸生淨土為宗，故於極樂依正種種莊嚴，反覆開明，令起忻慕，實則相本自空，唯心唯識。

*(Sao: Nay kinh lấy “khuyến sanh Tịnh Độ” làm Tông, nên giảng đi, giảng lại rõ ràng các thứ trang nghiêm nơi y báo và chánh báo trong cõi Cực Lạc hòng [khiến cho chúng sanh nghe pháp này] sẽ dấy lòng ưa thích, hân mộ. Thật ra, tướng vốn là Không, duy tâm, duy thức).*

Nói tới tông thú khác nhau! Kinh này dạy chúng ta phương pháp cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, hoàn toàn khác kinh Kim Cang. Kinh Kim Cang dạy quý vị trong tâm một niệm chẳng sanh, dùng phương pháp ấy. Kinh này mong mỗi chúng ta phát tâm cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, nên đối với y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc, đã giảng rõ ràng lặp đi lặp lại nhiều lượt. Chẳng hạn như kinh nói đến lan can, lưới màn, hàng cây, ao báu, lầu gác, hoa sen, thiên nhạc, mưa hoa, cho đến A Di Đà Phật hóa thành các loài chim, thọ mạng, quang minh, y báo, chánh báo, giảng cặn kẽ, rõ ràng, nói những chuyện ấy để làm gì? Nói những chuyện ấy nhằm mong mỗi chúng ta sẽ dấy lòng ưa chuộng, hân mộ, nên kinh này khác kinh Kim Cang. Kinh Kim Cang buộc quý vị phải rỗng không tất cả ý niệm trong tâm; kinh này chẳng vậy. Kinh này khiến cho quý vị dấy lòng mong mỏi, tâm chẳng rỗng không, dễ tu hơn kinh kia, thuận tiện hơn. Do vậy, có thể biết: Bát Nhã là từ Không mà vào, còn chúng ta từ Hữu mà vào, khác nhau! Bát luận từ Không môn hay Hữu môn, tuyệt đối viên dung, tuyệt đối chẳng có hiện tượng mâu thuẫn.

“*Thật tác tướng bốn tự không, duy tâm, duy thức*” (Thật ra, tướng vốn là không, duy tâm, duy thức). Theo lý luận và sự thật, không chỉ nói Tây Phương Cực Lạc thế giới, hoặc [cảnh giới] trước mắt chúng ta là như vậy, mà có thể nói là thế gian trước mắt, xuất thế gian, các cõi Phật đều chẳng ra ngoài lệ ấy, toàn là tự tâm biến hiện, “*duy tâm sở hiện, duy*

*thức sở biến*”, kinh Hoa Nghiêm đã dạy chúng ta chân tướng sự thật này. Vì thế, tướng là rỗng không, tướng là giả hữu, nó được gọi là Diệu Hữu, chẳng thật! Phật pháp nói “chân, vọng” thì chân là vĩnh viễn bất biến. Hiện thời, không chỉ sắc pháp (nay chúng ta gọi sắc pháp là vật chất) biến đổi, biến đổi trong từng sát-na, mà tâm cũng là giả, cũng chẳng thật, vì sao? Một niệm này khởi, một niệm kia diệt, nên gọi là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm. Chân tâm bất biến, trong chân tâm chẳng có vọng niệm. Tâm chẳng có vọng niệm thì tâm ấy vĩnh viễn là như thế, tâm ấy bất sanh, bất diệt. Nay chúng ta nói tới vọng tâm thì vọng tâm là ý niệm sanh diệt, nên gọi là “*sanh diệt tâm*”. Sanh diệt tâm chẳng phải là chân tâm, sanh diệt tâm là ý niệm của quý vị có sanh diệt, há tâm có sanh diệt? Tâm bất sanh bất diệt! [Nói “*sanh diệt tâm*”] là nói ý niệm của quý vị có sanh diệt, hồi này nghĩ Đông, một hồi nọ nghĩ Tây, đó là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm.

Tu hành Phật pháp phải dùng chân tâm để tu thì quý vị mới có thể đạt được kết quả thật sự. Nếu quý vị dùng vọng tâm để tu, vọng tâm là sanh diệt tâm, dùng vọng tâm để tu, chẳng thể thành chánh quả. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã nói rất rõ ràng: Dùng sanh diệt tâm để tu, tức là dùng vọng tưởng, dùng tâm ý thức để tu thì [kết quả] cao nhất, [giả sử] quý vị tu rất chánh xác, chẳng đi lạc đường, lý luận và phương pháp vô cùng chánh xác, quý vị có thể tu thành A La Hán là tốt đỉnh, quyết định chẳng thể kiến tánh, vì sao? Tánh là chân tâm, quý vị phải dùng chân tâm để tu thì mới có thể kiến tánh; tu bằng vọng tâm, chắc chắn không thể kiến tánh. Vì lẽ đó, dùng vọng tâm để tu bèn có thể đắc Định, nhưng không thể khai huệ, Huệ là tác dụng của chân tâm. Quý vị chẳng đắc chân tâm, làm sao có đức dụng của Bát Nhã cho được? Chớ nên không biết điều này.

Tuy trên mặt tướng có các thứ trang nghiêm, đức Phật thường dùng tỷ dụ để giảng, trên thực tế, giống như hình bóng trong gương, như bóng trăng trong nước. Kinh Kim Cang tỷ dụ rất hay: “*Như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương, cũng như chớp*”, dạy chúng ta hãy “*nên quán như thế*”. Quý vị có thể quán như vậy, đó là Quán Chiếu. Tông Bát Nhã dạy chúng ta phương pháp tu hành bằng quán chiếu, bất luận cảnh giới nào, sáu căn của chúng ta vừa tiếp xúc, quý vị thường khởi lên ý niệm này, tất cả cảnh giới đều coi như mộng, huyễn, bọt, bóng, chúng có hay không? Có! Tướng thì có, Thể thì không, tướng chẳng thật, biến hóa trong từng sát-na, “*thật sự*” là chẳng có một thứ gì! Trong Chứng Đạo Ca, Vĩnh Gia đại sư đã nói: “*Trong mộng rành rành phô sáu nẻo, giác rồi ba cõi rỗng*

*toang hoang*”. Giác là đại triệt đại ngộ. Sau khi đại triệt đại ngộ, đại thiên bèn chẳng còn nữa ư? Thừa cùng chư vị, vẫn có. Điều gì chẳng có? Chẳng còn chấp trước nữa! Trước kia, mê hoặc, chẳng biết, thứ gì cũng chấp trước, nay chẳng chấp trước. Chẳng phải là tướng bên ngoài chẳng có, mà là trong tâm quý vị chẳng có, thật sự chẳng có! Nếu tướng không có thì tánh cũng chẳng có, há có đạo lý ấy? Chắc chắn là nói chẳng suông được!

Cổ nhân còn có tỷ dụ: “*Dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng đều là vàng*”. Khi mê, chẳng biết có vàng, chỉ biết đây là vòng tay, kia là bông tai, nọ là dây chuyền, rất nhiều thứ, nhưng chẳng biết chúng là vàng, hư vọng phân biệt những hình trạng ấy. Sau khi đã giác, các tướng ấy đều chẳng còn, bất luận lấy thứ nào cũng đều là vàng, cũng chẳng cần phân biệt cái này hay cái kia, đều là như nhau, đều là bình đẳng, tuyệt đối chẳng còn chấp trước những kiểu cọ ấy, hễ cầm lấy [thứ nào cũng] đều biết chúng là vàng.

Vì vậy, sau khi giác ngộ, tất cả hết thấy đại thiên thế giới đều là tánh Không, có ý nghĩa này. Trọn chẳng phải là sau khi đã giác, hết thấy cảnh giới thấy đều chẳng có. Nếu vậy sẽ dọa người ta chết khiếp, chẳng phải là như vậy. Nếu thật sự chẳng có, Phật độ chúng sanh bằng cách nào? Phật cũng chẳng có, chúng sanh cũng chẳng có, chẳng cần độ nữa! Quán Âm Bồ Tát ba mươi hai ứng thân, tùy loại hóa thân, vẫn phải phát đại nguyện phổ độ chúng sanh, có thể thấy tướng vẫn tồn tại. Chẳng thể nói là Quán Âm Bồ Tát chưa giác, Quán Âm Bồ Tát đã sớm thành Phật, đại triệt đại ngộ.

Xét theo tánh thì chẳng có, nhưng nơi tướng vẫn là có y như cũ, lục đạo vẫn tồn tại, nhưng trong tâm Ngài chẳng có! Trong tâm chẳng có, quyết định chẳng lưu chuyển trong lục đạo, nương theo nguyện trở lại, đến đi tự do trong lục đạo, chẳng bị hạn chế. Khi mê bèn chẳng tự do, khi mê, nghiệp lực làm chúa tể của quý vị, không muốn đi cũng phải đi, dầu muốn đi cũng chẳng thành. Sau khi giác ngộ, nguyện lực làm chúa tể, thích đến nơi đâu bèn đến đó. Hơn nữa, sau khi giác, hết thấy khổ, lạc, ưu, hỷ, xả đều chẳng có, chẳng lãnh thọ. Do đó, người ấy ở trong Thiên Đường, chẳng có lạc thọ. Ở trong địa ngục, chẳng có khổ thọ. Tâm người ấy thanh tịnh, bình đẳng, vào đường nào cũng đều như nhau, nhưng phàm phu chúng ta thấy khác nhau; thật ra, người ấy cảm nhận hoàn toàn tương đồng. Do đó, đối với bậc đại Bồ Tát, quý vị cung kính, cúng dường Ngài, tặng thức ăn ngon, thậm chí quý vị muốn giết Ngài, Ngài cảm nhận như nhau, tâm Ngài thanh tịnh, bình đẳng, quyết định



chẳng có phân biệt, chấp trước, bình đẳng mà! Năm thứ cảm thọ “khô, lạc, ưu, hỷ, xả” đều chẳng có. Vì thế, năm thứ cảm thọ ấy là giả, khi mê thì có, lúc ngộ năm thứ cảm thọ ấy đều chẳng còn, tâm mới thật sự thanh tịnh!

“*Thật tác thanh tịnh tâm trung, thân độ tự hiện*” (Thật ra, trong tâm thanh tịnh, thân và cõi nước tự hiện). Trong Phật pháp nói đến Không và Hữu, ý nghĩa rất sâu! Không chẳng phải là Vô! Người bình phàm chúng ta nghe nói Không, bèn tưởng là thứ gì cũng đều chẳng có, chẳng phải là ý nghĩa này! “Không” là thứ gì cũng đều có; nói đến Hữu thì Hữu là bất cứ gì cũng đều chẳng có, nên Hữu được gọi là Diệu Hữu, “Không” được gọi là Chân Không. “*Chân Không bất không, Diệu Hữu phi hữu*”. Nếu quý vị thật sự liễu giải ý nghĩa này, Không và Hữu là một, không hai, cũng rất khó hiểu. Quý vị suy nghĩ cảnh giới trong mộng, hãy nói xem nó là Không hay là Hữu? Nếu quý vị nói nó là Không, xác thực là cảnh giới trong mộng rành rành, khi quý vị tỉnh giấc có thể kể rành mạch. Nếu quý vị nói nó là Hữu, có ở chỗ nào vậy? Trọn chẳng thể được. Do vậy, Hữu là chẳng phải có, Không chẳng phải là không!

Trong Chân Như bốn tánh trọn đủ vô lượng công đức, Lục Tổ đại sư nói rất hay: “*Nào ngờ tự tánh, vốn sẵn trọn đủ*”. Nếu trong tự tánh của quý vị chẳng có, quyết định chẳng hiện ra tướng ấy. Quý vị có thể hiện ra tướng ấy, quyết định là có nguyên nhân, quyết định là có. Đức Phật dạy: Trong tự tánh của mỗi chúng sanh, thứ gì cũng trọn đủ, y báo và chánh báo trang nghiêm của mười pháp giới không thứ gì chẳng đầy đủ. Tuy trọn đủ, nhưng khi hiện tướng, mười pháp giới là một giới hiện, chín giới ẩn. Nay chúng ta đang ở trong nhân pháp giới, ở trong nhân gian, trong tự tánh của chúng ta có Phật pháp giới, có Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, Thiên, Tu La, ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh, nhưng chẳng thấy chín pháp giới ấy. Một thứ hiện, chín thứ kia chẳng hiện. Tuy chẳng hiện, chúng tồn tại, giống như trong kho chưa lấy ra, xác thực là có.

Như thế nào thì mới hiện tiền? Phải nói đến duyên phận. Kinh Hoa Nghiêm nói duyên ấy là “*vô lượng nhân duyên*”, khá phức tạp. Đức Phật quy nạp vô lượng nhân duyên thành bốn loại lớn, gọi là Tứ Duyên: Thân nhân duyên, sở duyên duyên, vô gián duyên, và tăng thượng duyên. Vì vậy, hiện tướng là duyên sanh, chúng ta nói là “*nhân duyên sanh pháp*” (pháp sanh bởi nhân duyên). Pháp sanh bởi nhân duyên là nói phương tiện, chẳng phải là nói chân thật. Nói chân thật là “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, [Nói] “pháp sanh bởi nhân duyên” là nói

phương tiện, nhằm nói với kẻ sơ cấp, để quý vị dễ hiểu, có thể lãnh hội. Có thể thấy duyên vô cùng quan trọng.

Nay chúng ta muốn tướng có hình dạng như thế nào, [điều ấy] tùy thuộc vào duyên là công phu của quý vị cao hay thấp, chứ nhân thì vốn sẵn có. Do vậy, duyên là quyết định. Nói thật ra, cũng vì đạo lý này, nên Phật pháp mới có thể phổ độ chúng sanh. Nay chúng ta muốn thành Phật, phải tăng cường duyên thành Phật, giảm thiểu duyên của chín pháp giới khác; chắc chắn quý vị thành Phật trong một đời này. Nếu quý vị muốn sanh lên trời, hãy tăng mạnh duyên sanh thiên, giảm bớt những duyên khác, chắc chắn quý vị sẽ sanh lên trời. Bản thân ta muốn vào pháp giới nào trong mười pháp giới do chính mình làm chủ tể, chẳng do kẻ khác, đó là chỗ khác biệt giữa Phật pháp và các tôn giáo khác. Như vậy thì đức Phật có thể phù hộ quý vị hay không? Không thể! Đức Phật chỉ có thể giảng rõ lý luận và chân tướng sự thật cho quý vị, còn tương lai do chính quý vị quyết định, ai cũng chẳng giúp được! Chính quý vị làm chúa tể của chính mình.

Duyên tối thắng là như trong phần Tam Phước của Quán Kinh đã giảng: “*Phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả*”. Tin sâu nhân quả được nói trong phước thứ ba, nhằm nói với hàng Bồ Tát, chẳng phải là nói với kẻ khác. Chúng ta lại coi kinh Vô Lượng Thọ, kinh nói có nhiều vị Bồ Tát do trong đời này chẳng có cơ hội nghe pháp môn này, nên có một ức Bồ Tát thoái thất Bồ Đề tâm, bị thoái chuyển. Chúng ta lại thấy vương tử A Xà Thế trong đời quá khứ trụ Bồ Tát đạo, cúng dường bốn trăm ức Phật, nay vẫn thoái chuyển, còn bị mê khi cách ăm. Đời này, ông ta đến nhân gian làm vương tử, là [thân phận] cư sĩ, trưởng giả. Nói cách khác, ông ta đã bị thoái chuyển, từ Bồ Tát đạo thoái chuyển đến mức độ ấy. “*Tin sâu nhân quả*” được nói trong phước thứ ba chẳng phải là nhân quả nào khác, [mà là] “*niệm Phật là nhân, thành Phật là quả*”, rất nhiều vị Bồ Tát chẳng biết nhân quả này!

Chúng ta quả thật hết sức may mắn! Do biết chuyện này, nên mới biết phải như thế nào thì mới có thể chứng Vô Thượng Bồ Đề, như thế nào thì mới có thể thành Phật, quý vị mới thật thà niệm một câu A Di Đà Phật đến cùng, vì sao? Ta vun bồi cái duyên này. Ta có cái nhân thành Phật, trong Chân Như bản tánh vốn sẵn trọn đủ [cái nhân ấy], hiện thời còn thiếu cái duyên thành Phật. Phải tranh thủ cái duyên thành Phật như thế nào? Vun bồi như thế nào? Niệm Phật, [biết được chuyện này] chẳng dễ dàng! Bộ kinh này đã chỉ dạy lặp đi lặp lại, nói rõ y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, mục đích là khiến cho

chúng ta dấy lòng ưa thích, ngưỡng mộ, hướng về Tây Phương Cực Lạc thì được rồi!

Tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, lợi ích to lớn bậc nhất là vô lượng thọ! Thọ mạng dài. Tây Phương Cực Lạc thế giới lại còn là một thế giới bình đẳng, sắc tướng hoàn toàn giống như Phật. Chúng ta đã đọc kinh Vô Lượng Thọ, [thấy nói người trong cõi Cực Lạc] tướng mạo hoàn toàn giống nhau, vóc dáng cao thấp như nhau, chẳng bất bình đẳng như trong thế giới này: Thân mạnh khỏe, tướng mạo đẹp đẽ, bèn dấy lòng ngạo mạn, tướng chính mình ghê gớm lắm, kiêu ngạo! Kẻ thể lực và trí óc suy yếu, tướng mạo chẳng đẹp đẽ, bèn tự ti mặc cảm, đều sanh phiền não! Ngạo mạn là phiền não, tự ti mặc cảm cũng là phiền não. A Di Đà Phật rất từ bi, sanh vào cõi Ngài, tướng mạo thấy đều như nhau, nên quý vị chẳng ngạo mạn, mà cũng chẳng tự ti mặc cảm, tâm thanh tịnh bình đẳng. Trong thế giới của mười phương hết thấy chư Phật, chẳng có hiện tượng này!

Hết thấy thế giới của chư Phật đều là tướng sai biệt, chỉ có Tây Phương Cực Lạc thế giới là tướng bình đẳng. Vì sao bình đẳng? Vì mỗi người đều do niệm A Di Đà Phật mà sanh về, nhân bình đẳng, duyên bình đẳng, nên đắc quả báo bình đẳng. Do niệm Phật vãng sanh, tuy chúng ta đời nghiệp mà vẫn vãng sanh, thật sự tuyệt diệu! Các vị đại Bồ Tát từ mười phương thế giới vãng sanh, cũng do niệm A Di Đà Phật mà vãng sanh; chúng ta một phẩm phiền não chưa đoạn, cũng do niệm A Di Đà Phật mà vãng sanh. Chúng ta có căn cứ lý luận giống nhau, dùng phương pháp giống nhau, nên tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, quả báo đương nhiên giống nhau. Không thể nói Ngài là Bồ Tát, ta là phàm phu, chúng ta đến đó chẳng giống nhau, không thể nào! Chẳng có lẽ ấy! Quý vị phải đọc trọn hết ba kinh Tịnh Độ, mới có thể hiểu biết trạng huống chân thật. Chỉ đọc riêng một bộ kinh, sẽ chẳng có cách nào biết được!

***(Sao) Kỳ quang trần tướng giả.***

***(鈔) 其廣陳相者。***

***(Sao: Trần thuật tướng trạng rộng rãi).***

“*Quang trần*” là trần thuyết, tức là nói rõ cặn kẽ tình trạng của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Kinh này nói đại lược, còn nói cặn kẽ là kinh Vô Lượng Thọ.

**(Sao) Cái tức tánh chi tướng.**

(鈔) 蓋即性之相。

(Sao: Vì [tướng ấy] là tướng của tánh).

“Tướng” là tướng của tánh.

**(Sao) Phi ly tánh nhi ngôn tướng dã.**

(鈔) 非離性而言相也。

(Sao: Chẳng phải là lìa tánh mà nói đến tướng).

Chẳng phải là nói rời khỏi tánh có riêng một tướng, chẳng có đạo lý ấy! Tướng là tướng của chính ngay tánh, tánh là tánh của chính cái tướng ấy, là một mà hai, tuy hai mà một.

**(Sao) Vi môn các biệt, cứu cánh thị đồng. Cố tri nhị kinh, nghĩa bất tương bội.**

(鈔) 為門各別，究竟是同。故知二經，義不相背。

(Sao: Pháp môn khác biệt, nhưng mục đích cuối cùng giống nhau. Vì thế biết ý nghĩa của hai kinh chẳng trái nghịch).

Kinh Kim Cang từ Tánh môn mà nhập, kinh Di Đà theo Tướng môn mà vào. Tánh là tánh của tướng, tướng là tướng của tánh, vẫn là một chuyện, chẳng mâu thuẫn. Sau khi chư vị đọc đoạn kinh văn này, nếu có thể thấu hiểu sâu xa trạng huống của cuộc sống trước mắt, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần trước mắt cũng giống như thế, quý vị mới có thể đạt được thụ dụng. Quý vị biết hết thấy tướng chúng ta trông thấy trước mắt là tướng của tánh, tánh gì vậy? Tự tánh của chính mình, [hết thấy các tướng ấy] là Tướng Phần trong tự tánh của ta. Tự tánh của ta có thể hiện, có thể biến, cái được hiện, được biến là cảnh giới sáu trần mà sáu căn đang tiếp xúc. Lìa khỏi tự tánh, chẳng có pháp nào khác. Như vậy thì quý vị mới rời khỏi hết thấy những vọng tướng “lấy, bỏ, được, mất” trong hết thấy cảnh giới. Trong hết thấy cảnh, không lấy, không bỏ, chẳng được, chẳng mất, tâm tự tại lắm, thanh lương tự tại! Bởi lẽ, tâm thanh tịnh liền dần dần tiếp cận và tương ứng với chân tâm. Như thế thì phẩm vị vãng sanh liền cao, vừa đến Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn hoa nở thấy Phật, chẳng chướng ngại. Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này.